

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 30 – 3 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Kiên Nhân.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở Tầng 4, Tòa nhà N04, đường T1, phường H, quận G, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Quốc C; địa chỉ làm việc Tầng 4, Tòa nhà N04, đường T1, phường H, quận G, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng N – Vắng mặt).

2. Ông Lê Phước T2; địa chỉ làm việc Số 09 - 10, đường T3, Khóm 4, Phường 6, thành phố V, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 213/2019/QĐ-NHHT ngày 23 tháng 12 năm 2019 – Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Đức T4, sinh năm 1987; cư trú tại Ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng N và trong quá trình xét xử ông Lê Phước T2 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 23/10/2019, Ngân hàng N – Chi nhánh V (gọi tắt là Ngân hàng N) cùng với anh Phan Đức T4 ký kết Hợp đồng tín dụng số: HĐTD58900001 và Giấy nhận nợ số: TD58900001 với nội dung: Ngân hàng V cho anh T4 vay số tiền 100.000.000 đồng; hình thức cho vay tín chấp; mục đích cho vay trồng trọt, mua sắm đồ dùng cho cá nhân, gia đình và các chi phí khác có liên quan đến sinh hoạt của gia đình; thời hạn cho vay 60 tháng tính kể từ ngày 23/10/2019 đến ngày 23/10/2024; lãi suất cho vay trong hạn 11,52%/năm (365 ngày) có điều chỉnh vào các ngày 01/3, 01/7, 01/11 hàng năm theo lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; phương thức trả nợ gốc cố định chia đều 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 1.670.000 đồng, kỳ cuối trả số tiền 1.470.000 đồng và trả lãi theo dư nợ thực tế vào ngày 20 hàng tháng; trường hợp chậm trả gốc thì bên vay phải trả lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với phần nợ gốc quá hạn, trường hợp chậm trả lãi thì bên vay phải trả lãi suất bằng 5%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; ngoài ra còn thỏa thuận các trường hợp bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn khi bên vay vi phạm, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngày 23/10/2019, anh Đức T4 được Ngân hàng N giải ngân nhận số tiền 100.000.000 đồng. Anh Đức T4 trả nợ gốc, lãi được 12 kỳ, đến kỳ thứ 13 (ngày 20/11/2020) thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài. Mặc dù, Ngân hàng N đã nhiều lần làm việc yêu cầu anh Đức T4 trả nợ nhưng anh Đức T4 khắc hẹn không trả 03 kỳ liên tiếp. Nên Ngân hàng N ra thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn khoảng dư nợ còn lại đối với anh Đức T4. Tính đến ngày 30/3/2022, anh Đức T4 nợ vay số tiền 99.416.635 đồng, trong đó: nợ gốc 79.960.000 đồng, nợ lãi 19.456.635 đồng.

Nay, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Đức T4 có trách nhiệm trả nợ vay tính đến ngày 30/3/2022 số tiền 99.416.635 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc 79.960.000 đồng, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/3/2022 cho đến khi trả xong nợ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh Phan Đức T4 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T4 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

**- Về tố tụng:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Phan Đức T4 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T4 theo thủ tục chung.

**- Về nội dung:**

[1] Việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ cho vay tiêu dùng bằng hình thức tín chấp giữa Ngân hàng N với anh Đức T4 trên cơ sở ký kết Hợp đồng tín dụng số: HĐTD58900001 và Giấy nhận nợ số: TD58900001 là đúng quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 4, 10, 12, 13, 18, 23, 30, 31 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (gọi tắt là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN).

[2] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng: Anh Đức T4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ 03 kỳ liên tục. Việc Ngân hàng N thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, khởi kiện yêu cầu anh Đức T4 trả nợ vay tính đến ngày 30/3/2022 số tiền 99.416.635 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc 79.960.000 đồng, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/3/2022 cho đến khi trả xong nợ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn mục [1], [2] “Về tố tụng” và các mốc đơn [1], [2] “Về nội dung”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

**- Về án phí dân sự sơ thẩm:** Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết:

[1] Anh Đức T4 phải chịu án phí tính tròn số tiền 4.970.832 đồng.

[2] Hoàn trả cho Ngân hàng N được nhận lại số tiền 4.297.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:**

1.1. Buộc anh Phan Đức T4 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 99.416.635 (Chín mươi chín triệu bốn mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi lăm) đồng.

1.2. Buộc anh Phan Đức T4 có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc số tiền 79.960.000 (Bảy mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng và trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HĐTD58900001 và Giấy nhận nợ số: TD58900001 đã ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 cho Ngân hàng N. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 cho đến khi anh Đức T4 trả xong nợ.

#### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1. Buộc anh Phan Đức T4 phải nộp án phí số tiền 4.970.832 (Bốn triệu chín trăm bảy mươi nghìn tám trăm ba mươi hai) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng N được nhận lại số tiền 4.297.000 (Bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N 0010367 ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**4.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Lê Phước T2 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N. Vắng mặt ông Nguyễn Quốc C là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N; anh Phan Đức T4. Báo cho anh Phước T2 có mặt biết có quyền đại diện Ngân hàng N kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông C, anh Đức T4 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD. NĐ + BĐ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**